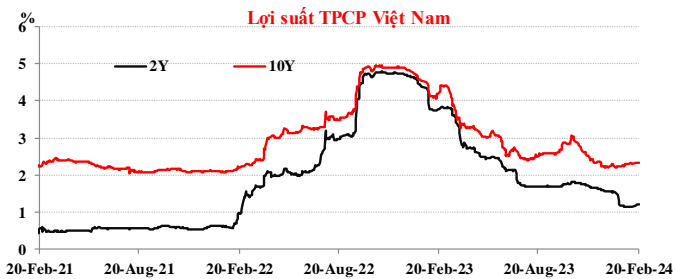


Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.06	0.64	5.20	0.01	3Y	1.23	0.000
1W	2.14	0.49	5.28	0.00	5Y	1.43	0.001
2W	2.11	0.31	5.35	0.02	7Y	1.83	0.004
1M	2.20	0.17	5.40	0.00	10Y	2.31	-0.002
2M	2.53	0.00	5.49	-0.01	15Y	2.53	-0.009
3M	2.79	-0.01	5.57	-0.01			
6M	4.30	-0.03	5.63	0.00			
9M	4.83	0.01	5.68	-0.02			
1Y	5.33	0.03	5.72	-0.04			

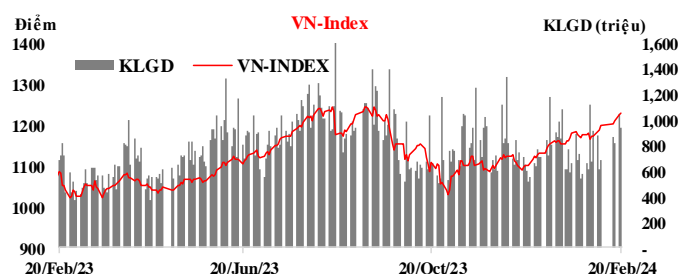


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 20/02/2024

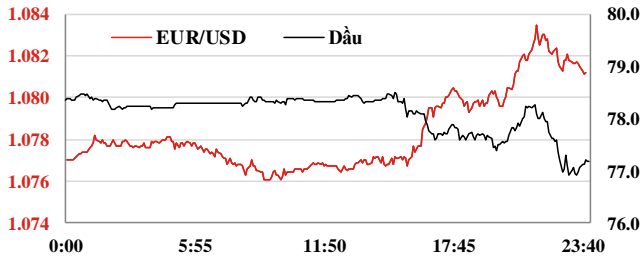
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	10,000.00	5,091.04	-	5,091.04	5,091.04
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
Tổng				5,091.04	

Chứng khoán ngày 20/02/2024

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1230.06	233.50	90.53
%/ngày	0.42%	0.06%	0.09%
%/30/12/2022	22.1%	13.7%	26.4%
KLGD (tr.d.vj)	939.95	95.82	35.0
GTGD (tỷ đ)	21121.97	1729.11	518.90
NDINN mua (tỷ đ)	2283.48	90.81	82.61
NDINN bán (tỷ đ)	2114.74	84.43	5.69


Tin trong nước ngày 20/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 20/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.988 VND/USD, tiếp tục tăng 09 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.137 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.530 VND/USD, giảm 12 đồng so với phiên 19/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 70 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.970 VND/USD và 25.070 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 20/02, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng tiếp 0,17 – 0,64 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 2,06%; 1W 2,14%; 2W 2,11% và 1M 2,20%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi đi ngang ở các kỳ hạn 1W và 1M; giao dịch tại: ON 5,20%; 1W 5,28%; 2W 5,35%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở kỳ hạn 3Y trong khi tăng nhẹ ở các kỳ hạn 5Y và 7Y, giảm ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,23%; 5Y 1,43%; 7Y 1,83%; 10Y 2,31%; 15Y 2,53%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Có 5091,04 tỷ đồng trúng thầu, như vậy NHNN bơm ròng 5.091,04 tỷ đồng ra thị trường qua kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Trên thị trường chứng khoán, các chỉ số giằng co quanh mốc tham chiếu, tuy nhiên vẫn chốt phiên trong sắc xanh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng phiên thứ 7 liên tiếp 5,09 điểm (+0,42%) lên mức 1.230,06 điểm; HNX-Index thêm 0,13 điểm (+0,06%) đạt 233,50 điểm; UPCoM-Index nhích 0,07 điểm (+0,08%) lên 90,53 điểm. Thanh khoản thị trường giảm tuy vẫn ở mức khá cao với giá trị giao dịch đạt gần 23.400 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng hơn 252 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo số liệu được NHNN công bố, đến cuối năm 2023, tín dụng toàn nền kinh tế tăng 13,71% so với cuối năm 2022.** Tuy nhiên, bước sang tháng 1/2024, tín dụng toàn hệ thống giảm 0,6% so với cuối năm 2023. Trong khi đó, đến 31/01/2024, mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay tiếp tục có xu hướng giảm. Lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân các giao dịch phát sinh mới của các NHTM giảm lần lượt khoảng 0,15%/năm và 0,25%/năm so với cuối năm 2023.



	20 Feb 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	104.08	-0.20%	-0.84%	2.71%
USD/CNY	7.19	-0.10%	-0.03%	1.31%
USD/EUR	0.93	-0.24%	-0.87%	2.16%
USD/JPY	149.99	-0.08%	-0.53%	6.33%
USD/KRW	1333.79	0.01%	-0.52%	3.04%
USD/SGD	1.34	-0.12%	-0.53%	1.86%
USD/TWD	31.42	0.11%	-0.38%	2.42%
USD/THB	36.02	0.00%	0.00%	4.86%
USD/VND Trung tâm	23988	0.04%	0.13%	0.51%
USD/VND LNH	24530	-0.05%	0.53%	1.15%
USD/VND tự do	25008	-0.10%	0.97%	1.08%
Vàng	2023.53	0.29%	1.58%	-1.89%
Dầu WTI	78.18	-1.28%	0.40%	9.11%

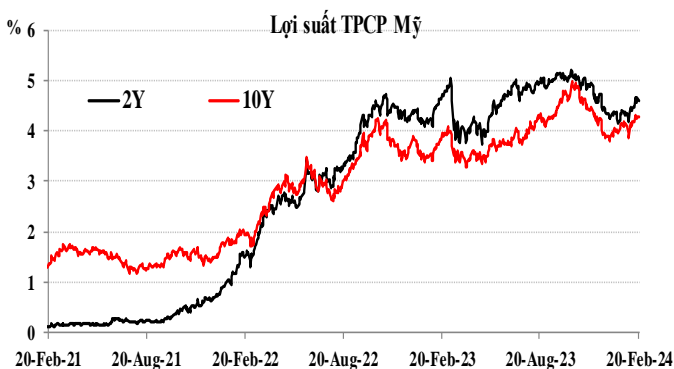
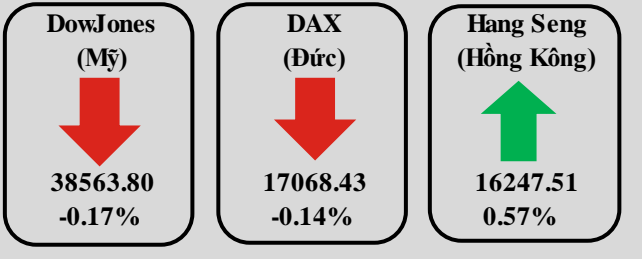
Tin quốc tế

▪ **NHTW Trung Quốc PBOC có động thái hạ lãi suất dài hạn.** Trong phiên ngày hôm qua, PBOC công bố giữ nguyên LS cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm ở mức 3,45%, tuy nhiên hạ lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 5 năm xuống còn 3,95% từ mức 4,20% trước đó, mạnh hơn so với kỳ vọng chỉ hạ xuống 4,1% của các chuyên gia. Đây là lần tiếp theo kể từ tháng 06/2023 LS này được PBOC điều chỉnh giảm. Ở lần điều chỉnh trước, mức giảm chỉ là 10 đcb. Một số ý kiến trên thị trường cho rằng, lần hạ LS quyết liệt này của PBOC nhằm hỗ trợ thị trường bất động sản Trung Quốc đang gặp rất nhiều khó khăn. Doanh số của lĩnh vực này đã giảm tới 6,5% trong năm 2023 với nhiều công ty phá sản, trong đó có Evergrande.

▪ **NHTW Úc RBA công bố biên bản cuộc họp đầu năm 2023.** Trong văn bản này, RBA nhận định kinh tế thế giới trầm lắng đang góp phần vào đà giảm lạm phát tại nhiều quốc gia phát triển. Tại Úc, lạm phát đang có xu hướng giảm, song vẫn còn cao hơn so với mức mục tiêu. Các thành viên của RBA cho rằng tổng cầu vẫn còn cao so với lượng cung tiềm năng của nền kinh tế, tạo ra áp lực lạm phát trong thời gian vừa qua. Cơ quan này dự báo lạm phát sẽ trở về mức mục tiêu 2,0% - 3,0% vào năm 2025 và sau đó ổn định hơn ở năm 2026. Do vẫn còn những rủi ro có thể khiến lạm phát dai dẳng hơn dự kiến, nên RBA không loại trừ khả năng tăng thêm LS trong tương lai. Mặc dù vậy, tại cuộc họp này, RBA quyết định giữ LSCS ở mức 4,35%, không thay đổi so với trước, nhằm có thêm thời gian quan sát các dữ liệu kinh tế, lạm phát và rủi ro liên quan.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
20-02	7:30	***	Biên bản họp NHTW Úc RBA			
20-02	8:15	**	Lãi suất cơ bản 1-y tại Trung Quốc	3.45	3.45	3.45
20-02	8:15	**	Lãi suất cơ bản 5-y tại Trung Quốc	3.95	4.10	4.20
21-02	8:30	***	Chỉ số lượng Úc qq Q4			

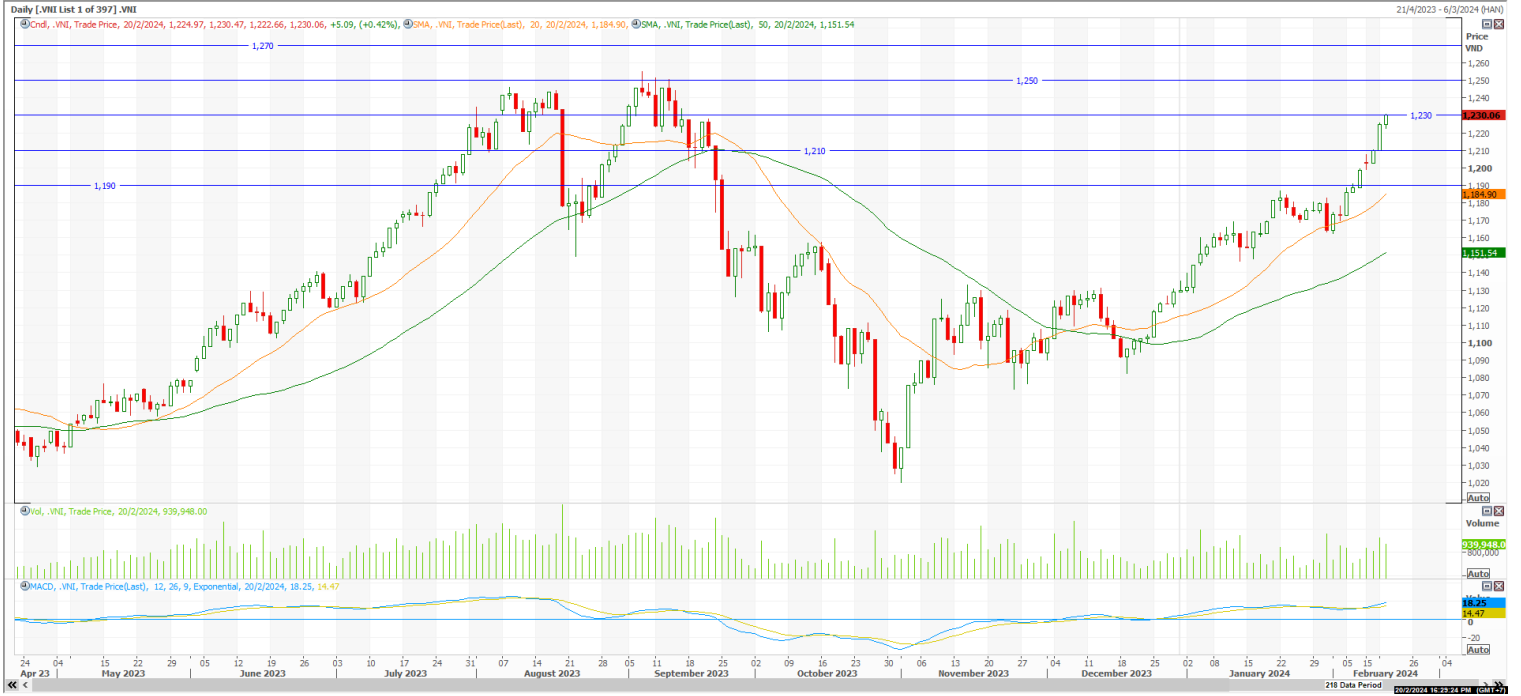


Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	20/3/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	7/3/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	21/3/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	19/3/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	19/3/2024

Thị trường chứng khoán

VN-INDEX



VN-Index tiếp tục tăng, đóng cửa tại 1.230,06 điểm. Thị trường có phiên tăng điểm thứ 7 liên tiếp, đồng thời thanh khoản cũng tiếp tục gia tăng, cho thấy đà tăng tương đối vững chắc. Mặc dù vậy, VN-Index đang tiến gần đến mức đỉnh 1240 - 1250 kể từ tháng 09/2023, có thể gặp sự rung lắc hoặc điều chỉnh tại vùng giá này.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn